

pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên thực vật, phòng, trừ sinh vật gây hại hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Người nào có hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này, giả mạo giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn trong việc cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật trái với quy định của pháp luật; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; bao che cho người vi phạm hoặc vi phạm những quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì

ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 41 hoặc Điều 42 của Pháp lệnh này còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04 tháng 2 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 45. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch

NGUYỄN VĂN AN

**LỆNH của Chủ tịch nước số 12/2001/
L-CTN ngày 08/8/2001 về việc công
bố Pháp lệnh Luật sư.**

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội;

09647093

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh Luật sư

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2001./.

Chủ tịch

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

PHÁP LỆNH Luật sư

(số 37/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25/7/2001).

Để bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về tư vấn pháp luật của cá nhân, tổ chức, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa;

Để phát triển và củng cố đội ngũ luật sư chuyên nghiệp có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, phát huy vai trò của luật sư và tổ chức luật sư trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, tăng cường quản lý nhà nước đối với tổ chức luật sư và hành nghề luật sư;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 8 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư.

Điều 1. Luật sư.

1. Luật sư là người có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Pháp lệnh này và tham gia hoạt động tố tụng, thực hiện tư vấn pháp luật, các dịch vụ pháp lý khác theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật.

2. Bằng hoạt động của mình, luật sư góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Nguyên tắc hành nghề luật sư.

1. Tuân thủ pháp luật.

2. Tuân theo quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư.

3. Trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp của mình.

Điều 3. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư.

Hình thức tổ chức hành nghề luật sư là Văn phòng luật sư và Công ty luật hợp danh được quy định tại Pháp lệnh này.

Điều 4. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư và tham gia việc quản lý hành nghề luật sư theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 5. Quản lý hành nghề luật sư.

Quản lý hành nghề luật sư được thực hiện theo nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước về hành nghề luật sư với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, bảo